

Số: /BC-STC

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 6 năm 2024

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN 6 THÁNG ĐẦU NĂM,**  
**PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024**

Tiếp thu ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Thông báo số 70/TB-UBND ngày 12/6/2024 về kết luận phiên họp UBND tỉnh thường kỳ tháng 6 năm 2024, Sở Tài chính báo cáo tình hình thực hiện dự toán NSNN 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024 như sau:

**PHẦN THỨ NHẤT**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**  
**6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024**

**I. Ước thực hiện thu NSNN trên địa bàn:**

Nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước (NSNN) 6 tháng đầu năm 2024 được triển khai trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu tiếp tục xu hướng chậm lại. Trong nước, thuận lợi rất cơ bản, nhưng nền kinh tế tiếp tục chịu "tác động tiêu cực kép" từ những yếu tố bất lợi bên ngoài và những hạn chế, bất cập bên trong. Mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức, các cấp, các ngành đã bám sát tình hình thực tiễn, chủ động đề xuất các giải pháp thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà năm 2024; Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 04/1/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm chi ngân sách nhà nước; Thông tư 76/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Kết luận số 835-TB/TU ngày 14/3/2024 của Thường trực Tỉnh ủy về việc triển khai kế hoạch thu ngân sách từ các dự án sử dụng đất trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 09/1/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh về những nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2024; Thực hiện nghiêm những chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh về tài chính ngân sách trên địa bàn.

Kết quả tổng thu NSNN trên địa bàn ước thực hiện 6 tháng đầu năm đạt 17.688 tỷ đồng, bằng 56,6% dự toán, bằng 119,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó thu nội địa 14.000 tỷ đồng, bằng 57,8% dự toán và bằng 122,9% cùng kỳ năm 2023; thu nội địa không kể tiền sử dụng đất và xổ số kiến thiết 13.838 tỷ đồng, bằng 67,1% dự toán và bằng 123,1% cùng kỳ năm trước; thu hải quan đạt

3.688 tỷ đồng, bằng 52,7% dự toán và bằng 108,4% so với cùng kỳ năm trước, số thu tại một số khu vực như sau:

1. Khu vực doanh nghiệp nhà nước trung ương quản lý: ước thực hiện 360 tỷ đồng, đạt 52,9% dự toán; tăng 3,1% so với cùng kỳ.

2. Khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý: ước thực hiện 60 tỷ đồng, đạt 75% dự toán; tăng 42,6% so với cùng kỳ.

3. Khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: ước thực hiện 6.800 tỷ đồng, đạt 68% dự toán, tăng 19,4% so với cùng kỳ. Nguyên nhân tăng so với cùng kỳ, chủ yếu do một số doanh nghiệp hết thời gian ưu đãi thuế, phát sinh số thuế TNDN phải nộp. Bên cạnh đó do tình hình kinh tế đang trên đà hồi phục nên các doanh nghiệp dần dần ổn định đi vào sản xuất, tìm kiếm khách hàng mới, phát sinh doanh thu lớn và có số thuế phát sinh phải nộp cao hơn cùng kỳ.

4. Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 3.200 tỷ đồng, đạt 74,4% dự toán, tăng 39,6% so với cùng kỳ. Nguyên nhân tăng thu so với cùng kỳ chủ yếu do một số doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, kinh doanh bất động sản trên địa bàn đã cơ bản hoàn thành các dự án nên phát sinh doanh thu tăng, dẫn đến số nộp tăng so với cùng kỳ.

5. Thuế Thu nhập cá nhân ước thực hiện 2.400 tỷ đồng, đạt 68,6% dự toán; tăng 25,3% so với cùng kỳ. Nguyên nhân tăng thu so với cùng kỳ chủ yếu là do khoản thu thuế thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản và hoạt động chuyển nhượng vốn.

6. Thu tiền sử dụng đất ước thực hiện 150 tỷ đồng; đạt 4,2% dự toán, tăng 13,4% so với cùng kỳ. Ngày 14/3/2024, Thường trực Tỉnh ủy ban hành Kết luận số 835-TB/TU về việc triển khai kế hoạch thu ngân sách từ các dự án sử dụng đất trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại vẫn chưa phát sinh số thu của các dự án mới, số thu chủ yếu vẫn là số thu nợ của các dự án cũ và số thu từ việc đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt.

7. Thuế Bảo vệ môi trường ước thực hiện 180 tỷ đồng, đạt 45% so với dự toán; tăng 3,6% so với cùng kỳ. Nguyên nhân số thu thuế bảo vệ môi trường đạt thấp so với dự toán do Công ty TNHH MTV Hải Linh doanh nghiệp đầu môi, gặp khó khăn về tài chính và thị trường tiêu thụ sản phẩm nên phát sinh số nộp thấp.

8. Thu tiền thuê đất ước thực hiện 150 tỷ đồng, đạt 50% dự toán giao; tăng 4,6% so với cùng kỳ. Nguyên nhân tăng thu chủ yếu là do thu thêm khoảng tương ứng với tiền thuê đất do dự án chậm đưa đất vào sử dụng theo quyết định của UBND tỉnh.

9. Các khoản thu khác còn lại: Dự kiến đạt tiến độ dự toán giao.

*(Chi tiết theo phụ lục số 01 đính kèm)*

## **II. Chi ngân sách địa phương:**

Tổng chi NSDP ước thực hiện 6 tháng đầu năm đạt 8.881 tỷ đồng, bằng 42,1% dự toán, bằng 119,4% so với cùng kỳ, trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển là 4.537 tỷ đồng (bao gồm chi từ nguồn chuyển từ năm 2023 sang năm 2024) đạt 60,2% dự toán và bằng 121,2% so với cùng kỳ

năm trước. Nếu không tính nguồn chuyển từ năm trước sang, thì chi đầu tư phát triển 6 tháng đầu năm 2024 ước thực hiện 1.900 tỷ đồng, đạt 25,2% dự toán.

2. Chi thường xuyên là 4.190 tỷ đồng, bằng 37,7% dự toán và bằng 113,8% so với cùng kỳ, trong đó:

- Các lĩnh vực cơ bản hoàn thành dự toán là chi sự nghiệp khoa học công nghệ; chi quốc phòng; chi bảo đảm xã hội, chi quản lý hành chính;

- Một số lĩnh vực chi tiến độ đạt thấp như chi an ninh đạt 25,5% dự toán, chi bảo vệ môi trường 26,5% dự toán, chi sự nghiệp kinh tế 22,8% dự toán do chi các nhiệm vụ, đề án đang trong giai đoạn triển khai thực hiện.

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 03/4/2024 về việc điều hành tăng trưởng kinh tế - xã hội quý II/2024, trong đó giao các cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện đề án, nhiệm vụ khẩn trương rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch chi tiết, đề xuất phân bổ kinh phí cho các đơn vị theo nội dung công việc được giao gửi Sở Tài chính trước ngày 15/5/2024 để tổng hợp báo cáo UBND theo quy định. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại tại Sở Tài chính vẫn chưa nhận được đánh giá khả năng thực hiện nhiệm vụ của một số đơn vị dẫn tới khó khăn trong việc tổng hợp tham mưu UBND tỉnh thu hồi, điều chỉnh kinh phí.

*(Chi tiết theo phụ lục số 02 kèm theo)*

### **III. Tình hình sử dụng nguồn dự phòng ngân sách và nguồn cải cách tiền lương cấp tỉnh**

#### **1. Nguồn dự phòng ngân sách:**

- a) Nguồn dự phòng: Tổng nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh là 550 tỷ đồng;
- b) Kinh phí dự kiến sử dụng đến 30/6/2024 là 70,9 tỷ đồng;
- c) Nguồn còn lại: 479,1 tỷ đồng.

*(Chi tiết theo phụ lục số 04 đính kèm)*

#### **2. Nguồn cải cách tiền lương**

a) Nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương ngân sách cấp tỉnh đến năm 2024 (không bao gồm nguồn thu sự nghiệp tại các đơn vị) là 7.405 tỷ đồng, trong đó:

- Nguồn năm 2023 chuyển sang: 6.950 tỷ đồng;
  - Nguồn tăng thu thực hiện năm 2023 tạo nguồn CCTL theo quy định là 352 tỷ đồng;
  - Chi tạo nguồn CCTL trong dự toán năm 2024: 103 tỷ đồng;
- b) Nguồn cải cách tiền lương dự kiến sử dụng đến 30/06/2024 là 10 tỷ đồng;
  - c) Nguồn cải cách tiền lương cấp tỉnh còn lại đến 31/05/2023 là 7.395 tỷ đồng.

*(Chi tiết theo phụ lục số 03 đính kèm)*

#### **IV. Tình hình vay nợ của ngân sách tỉnh:**

1. Tổng dư nợ của NSDP đầu năm 2024 là 167,2 tỷ đồng (Vay lại từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài - Chương trình nước sạch).

2. Kế hoạch trả nợ năm 2024 là 7,6 tỷ đồng; 6 tháng đầu năm đã trả 3,8 tỷ đồng, còn lại chưa đến hạn trả: 3,8 tỷ đồng.

3. Dư nợ đến thời điểm 30/6/2024 là 163,4 tỷ đồng.

#### **VI. Nhận xét về tình hình thu, chi ngân sách:**

##### **1. Về thu NSNN trên địa bàn:**

Trong những tháng đầu năm 2024, UBND tỉnh đã kịp thời ban hành và chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả Chỉ thị số 01/CT-UBND về những nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, chỉ đạo các biện pháp điều hành tài chính - ngân sách nên trong 6 tháng đầu năm thu thu nội địa không kể tiền sử dụng đất, xố số đạt 65,3% dự toán. Tuy nhiên, thu tiền sử dụng đất đạt thấp (150 tỷ đồng; đạt 4,2% dự toán). Mặc dù Tỉnh ủy đã ban hành hành Kết luận số 835-TB/TU ngày 14/3/2024 về việc triển khai kế hoạch thu ngân sách từ các dự án sử dụng đất trên địa bàn tỉnh; và các địa phương cũng đã đăng ký triển khai các dự án, nhưng đến thời điểm hiện tại vẫn chưa phát sinh số thu NSNN từ dự án đất mới.

##### **2. Về chi ngân sách địa phương**

Trong 6 tháng đầu năm, các nhiệm vụ chi để phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh theo kế hoạch; thực hiện các chính sách an sinh xã hội; chi quản lý hành chính; hoạt động văn hóa... đều được đảm bảo. Tuy nhiên tình hình giải ngân vốn đầu tư công 6 tháng đầu năm đạt tỷ lệ thấp (đến ngày 27/5/2024 đạt 17,3%, trong đó cấp tỉnh là 11,0%; cấp huyện xã là 55,7%); trong chi thường xuyên một số lĩnh vực chi có tiến độ giải ngân còn thấp như sự nghiệp văn hóa, sự nghiệp kinh tế, bảo vệ môi trường... Mặt khác, nguồn thu tiền sử dụng đất thấp, ảnh hưởng đến việc cân đối nguồn thực hiện kế hoạch đầu tư công, đặc biệt là đối với cân đối chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất của các huyện, thành phố, thị xã...

## **PHẦN THỨ HAI**

### **NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024**

#### **A. ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẢ NĂM 2024**

Thời gian tới, dự báo tình hình thế giới và trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Tỉnh Bắc Ninh vừa phải tập trung xử lý các vấn đề tồn đọng, kịp thời giải quyết với những vấn đề cấp bách, mới phát sinh để hoàn thành thắng lợi các mục tiêu kế hoạch tài chính ngân sách năm 2024 và kế hoạch tài chính 5 năm 2021 - 2025.

Dự kiến thu ngân sách nhà nước năm 2024 đạt 29.950 tỷ đồng (Không đạt dự toán giao). Trong đó, thu nội địa không kể tiền sử dụng đất và xổ số dự kiến đạt 21.625 tỷ đồng, tăng thu hơn 1.000 tỷ đồng. Với kết quả ước thực hiện thu ngân sách như trên, về cơ bản chi để phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh theo kế hoạch; thực hiện các chính sách an sinh xã hội; chi quản lý hành chính; hoạt động văn hóa; chi cho các lĩnh vực khác sẽ đảm bảo nguồn theo dự toán năm 2024, có nguồn tăng thu để chi đầu tư phát triển. Tuy nhiên, thu tiền sử dụng đất đạt 1.000 tỷ đồng (hụt 2.600 tỷ đồng) sẽ ảnh hưởng rất lớn đến cân đối nguồn lực cho chi đầu tư công của các huyện, thị xã, thành phố.

## **B. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM**

### **I. Về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:**

1. Phần đầu hoàn thành dự toán thu ngân sách nhà nước đã được Bộ Tài chính, HĐND và UBND tỉnh giao là 31.237 tỷ đồng.

2. Tập trung chỉ đạo quyết liệt để thực hiện nghiêm Luật Quản lý thuế, chống thất thu, chống chuyển giá, trốn thuế, gian lận thương mại; đôn đốc thu hồi nợ thuế, giảm nợ đọng thuế; kiểm soát chặt chẽ việc hoàn thuế giá trị gia tăng; đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp; đôn đốc các doanh nghiệp nhà nước nộp đầy đủ vào ngân sách nhà nước phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định; chỉ đạo người đại diện phần vốn Nhà nước đôn đốc doanh nghiệp nộp kịp thời vào ngân sách nhà nước số thu cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn Nhà nước tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn thành viên trở lên.

3. Cơ quan Thuế, Hải quan tăng cường công tác quản lý thu, nắm chắc nguồn thu; chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương và tổ chức thực hiện có hiệu quả các giải pháp về thuế, phí hỗ trợ cho doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh; quản lý thu phù hợp với từng lĩnh vực, địa bàn, đối tượng thu. Đẩy mạnh chống thất thu, chuyển giá, gian lận thương mại, trốn thuế. Đôn đốc thu kịp thời các khoản thu theo kiến nghị, kết luận của các cơ quan kiểm toán, thanh tra và các cơ quan bảo vệ pháp luật.

4. Nâng cao chất lượng công tác phân tích dự báo, rà soát và đánh giá kịp thời những yếu tố tác động làm ảnh hưởng tăng, giảm đến nguồn thu trên địa bàn nhất là những năng lực sản xuất mới phát sinh, gắn với việc đánh giá tăng trưởng kinh tế, xây dựng các kịch bản thu NSNN năm 2024, phù hợp với yếu tố ảnh hưởng; chủ động tham mưu cho lãnh đạo các cấp chỉ đạo, điều hành nhiệm vụ thu NSNN.

5. Thực hiện đúng các quy định về hoàn thuế, kiểm tra giám sát hoàn thuế, không để xảy ra tình trạng doanh nghiệp lợi dụng chính sách hoàn thuế, gian lận để chiếm đoạt tiền hoàn thuế của nhà nước.

6. UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung xử lý các vướng mắc để kịp thời triển khai ngay đầu giá các dự án đất để tạo nguồn thu cho ngân sách; Nghiêm túc triển khai thực hiện Kết luận số 835-

TB/TU ngày 14.3.2024 của Thường trực Tỉnh ủy đề kịp thời triển khai các dự án đầu giá đất, các dự án đất dân cư dịch vụ, dự án BT... để hoàn thành chỉ tiêu thu ngân sách năm 2024.

## **II. Về chi ngân sách địa phương:**

1. Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà năm 2024; Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 04/1/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm chi ngân sách nhà nước; Thông tư 76/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 09/1/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh về những nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2024; Hướng dẫn số 23/UBND-KTTH ngày 02/2/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tổ chức điều hành, quản lý chi NSNN chặt chẽ, tiết kiệm, đúng quy định; nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN.

- Điều hành chi ngân sách nhà nước theo dự toán, đúng chế độ, tiêu chuẩn định mức, phân cấp quản lý ngân sách, giải ngân vốn trong phạm vi kế hoạch; bảo đảm kinh phí cho an sinh xã hội, phòng chống dịch bệnh, lĩnh vực y tế, giáo dục, môi trường, quốc phòng, an ninh... theo quy định của pháp luật. Tổ chức rà soát hàng tháng, hàng quý, kịp thời xử lý ngân sách để tránh dồn chi vào cuối năm, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách. Các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh đối với dự toán kinh phí được giao còn dư, không sử dụng hết, mà không kịp thời báo cáo để xử lý ngân sách theo quy định;

- Các chủ đầu tư thực hiện đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công đã được bố trí trong dự toán; Báo cáo đề xuất xử lý đối với những trường hợp vướng mắc gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp tham mưu cho UBND tỉnh phương án xử lý;

- Các cơ quan, đơn vị chủ động báo cáo rà soát nhiệm vụ chi, nguồn kinh phí đã bố trí trong dự toán (bao gồm cả kinh phí chi thực hiện nhiệm vụ chung và dự toán đã giao cho đơn vị sử dụng ngân sách) không có khả năng thực hiện trong năm 2024 để thu hồi, điều chuyển sang nhiệm vụ khác; Tổng hợp toàn bộ nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách chế độ mới ban hành, các nhiệm vụ mới phát sinh, các nhiệm vụ chưa bố trí đủ kinh phí để xem xét bố trí theo mức độ cấp thiết, đảm bảo tiến độ giải ngân và nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách; gửi Sở Tài chính tổng hợp trước ngày 31/8/2024 để báo cáo UBND tỉnh phương án xử lý theo quy định; Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh khi đơn vị được giao dự toán và được giao chủ trì thực hiện đề án, gắn với chi nhiệm vụ chung nhưng chậm triển khai thực hiện hoặc còn dư kinh phí nhưng không kịp thời rà soát báo cáo cơ quan tài chính tổng hợp.

- UBND các huyện, thành phố, thị xã chủ động sử dụng dự phòng, các nguồn lực hợp pháp của địa phương để xử lý các nhiệm vụ chi phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ chi quan trọng, cấp bách, đột xuất phát sinh theo quy định. Trường hợp thu ngân sách không đạt dự toán thì phải chủ động sắp xếp, cắt, giảm, giãn các nhiệm vụ chi đã bố trí dự toán và sử dụng các nguồn tài chính hợp pháp theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, đảm bảo ưu tiên thực hiện các chính sách, chế độ liên quan đến con người, an sinh xã hội, không để xảy ra tình trạng nợ lương, nợ chính sách.

- Từ ngày 01/7/2024, thực hiện cải cách đồng bộ chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW. Các đơn vị dự toán, địa phương chủ động sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để thực hiện, tổng hợp báo cáo nguồn và nhu cầu gửi Sở Tài chính tổng hợp theo đúng quy định. Trường hợp đã sử dụng hết nguồn cải cách tiền lương mà không cân đối đảm bảo được nhu cầu, kịp thời báo cáo gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh phương án xử lý.

### **C. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh điều chỉnh, phân bổ kinh phí như sau:

#### **I. Điều chỉnh, thu hồi kinh phí:**

1. Điều chỉnh dự toán nhiệm vụ chung đã bố trí đầu năm, số tiền 42.067 triệu đồng (*Chi tiết theo Phụ lục 06a kèm theo*);

2. Điều chỉnh dự toán đã phân bổ cho các đơn vị, số tiền 987 triệu đồng; (*Chi tiết theo Phụ lục 06a kèm theo*);

3. Điều chỉnh lĩnh vực chi kinh phí đã bố trí trong nhiệm vụ chung, số tiền 24.112 triệu đồng (*Chi tiết theo Phụ lục 06a kèm theo*);

4. Thu hồi kinh phí đã phân bổ cho đơn vị cấp tỉnh số tiền 3.215 triệu đồng (*Chi tiết theo phụ lục 06b kèm theo*);

II. Phân bổ kinh phí cho các đơn vị để thực hiện nhiệm vụ được giao năm 2024 số tiền 622.252 triệu đồng.

Nguồn kinh phí: Từ nguồn chi nhiệm vụ chung đã bố trí trong dự toán số tiền 529.907 triệu đồng; Từ nguồn điều chỉnh kinh phí 42.067 triệu đồng; Từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu 50.178 triệu đồng; Từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2023 là 100 triệu đồng (*Chi tiết theo Phụ lục 06c kèm theo*).

III. Phê duyệt kinh phí chi trả cho đối tượng hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi:

- Tổng số đối tượng: 03 công chức; 02 viên chức;

- Tổng số kinh phí để thực hiện chi trả: 953.108.000 đồng.

- Nguồn kinh phí:

+ Nguồn còn lại tại đơn vị: 558.441.000 đồng;

+ Nguồn cải cách tiền lương: 394.697.000 đồng.

(*Chi tiết theo phụ lục 07 kèm theo*)

Hiện nay Sở Tài chính đang phối hợp cùng các Sở, ngành, địa phương rà soát các nhiệm vụ chi. Đề nghị UBND tỉnh cho phép Sở Tài chính tiếp tục cập nhật các nhiệm vụ phát sinh của các đơn vị trước khi báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và HĐND tỉnh.

Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lưu: VT, QLNS.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Như Hùng**



**BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẾN 30/6/2024**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC ngày 12/06/2024 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Dự toán	UTH 6 tháng đầu năm	So sánh		UTH năm 2024
				DT	Cùng kỳ	
	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+III+IV+V)</b>	<b>31,237,000</b>	<b>17,688,000</b>	<b>56.63%</b>	<b>119.51%</b>	<b>29,950,000</b>
<b>I</b>	<b>THU NỘI ĐỊA</b>	<b>24,237,000</b>	<b>14,000,000</b>	<b>57.76%</b>	<b>122.90%</b>	<b>22,650,000</b>
*	<i>Thu nội địa không bao gồm tiền sử dụng đất, thu XSKT</i>	<i>20,612,000</i>	<i>13,838,000</i>	<i>67.14%</i>	<i>123.05%</i>	<i>21,625,000</i>
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý	680,000	360,000	52.94%	103.06%	680,000
	- Thuế giá trị gia tăng	223,000	139,585	62.59%	125.13%	223,000
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	21,400	19,500	91.12%	152.39%	21,400
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	435,000	200,000	45.98%	89.04%	434,400
	<i>Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước</i>					0
	- Thuế tài nguyên	600	915	152.50%	274.95%	1,200
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	80,000	60,000	75.00%	142.57%	80,000
	- Thuế giá trị gia tăng	55,300	40,415	73.08%	162.34%	55,300
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	24,500	19,500	79.59%	114.25%	24,500
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt					0
	- Thuế tài nguyên	200	85	42.50%	69.45%	200
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	10,000,000	6,800,000	68.00%	119.38%	10,400,000
	- Thuế giá trị gia tăng	1,600,000	993,000	62.06%	97.26%	1,723,000
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	8,333,000	5,800,000	69.60%	124.95%	8,650,000
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	65,000	6,000	9.23%	18.60%	25,000
	<i>Trong đó: - Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước</i>	<i>53,000</i>		<i>0.00%</i>		
	- Thuế tài nguyên	2,000	1,000	50.00%	91.09%	2,000
	- Thu khác					
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	4,300,000	3,200,000	74.42%	139.64%	4,900,000
	- Thuế giá trị gia tăng	2,461,882	1,232,000	50.04%	106.83%	2,461,882
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,733,341	1,940,000	111.92%	174.49%	2,383,118
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	100,540	25,000	24.87%	107.25%	50,000
	- Thuế tài nguyên	4,237	3,000	70.80%	93.94%	5,000
5	Lệ phí trước bạ	600,000	280,000	46.67%	100.71%	600,000
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	53,000	15,000	28.30%	72.53%	53,000
8	Thuế thu nhập cá nhân	3,500,000	2,400,000	68.57%	125.25%	3,500,000
9	Thuế bảo vệ môi trường	400,000	180,000	45.00%	103.57%	400,000

TT	NỘI DUNG	Dự toán	UTH 6 tháng đầu năm	So sánh		UTH năm 2024
				DT	Cùng kỳ	
	<i>Trong đó: - Thu từ hàng hóa nhập khẩu</i>	160,000	72,000	45.00%		160,000
	<i>- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước</i>	240,000	108,000	45.00%		240,000
10	Phí, lệ phí	135,000	110,000	81.48%	133.22%	135,000
	<i>Bao gồm: - Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước trung ương thu</i>	45,500	35,000	76.92%	153.63%	45,500
	<i>- Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước địa phương thu</i>	89,500	65,000	72.63%	108.72%	89,500
11	Tiền sử dụng đất	3,600,000	150,000	4.17%	113.35%	1,000,000
-	<i>Trong đó: - Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý</i>					
-	<i>- Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý</i>	3,600,000	150,000	4.17%	113.35%	1,000,000
12	Thu tiền thuê đất, mặt nước	300,000	150,000	50.00%	104.60%	300,000
14	Thu từ bán tài sản nhà nước					
	<i>Trong đó: - Do trung ương</i>					
	<i>- Do địa phương</i>					
16	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		1,000		266.90%	2,000
17	Thu khác ngân sách	533,000	249,000	46.72%	113.74%	533,000
	<i>Trong đó thu khác cơ quan trung ương</i>	240,000	141,600	59.00%	122.43%	240,000
	<i>- Trong đó: Phạt ATGT</i>					
	<i>- Phạt VPHC do cơ quan thuế xử lý</i>					
	<i>- Thu khác</i>	293,000	107,400	36.66%	104.00%	293,000
18	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	4,000	3,000	75.00%	176.23%	4,000
	<i>Trong đó: - Giấy phép do Trung ương cấp</i>	2,000	500	25.00%	44.28%	1,000
	<i>- Giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp</i>	2,000	2,500	125.00%	436.10%	3,000
19	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	15,000	20,000	133.33%	67.87%	25,000
20	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế (địa phương hưởng 100%)	12,000	10,000	83.33%	641.17%	13,000
21	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (kể cả hoạt động xổ số điện toán)	25,000	12,000	48.00%	92.16%	25,000
	<i>- Thuế giá trị gia tăng</i>	8,955	4,800	53.60%	102.25%	8,955
	<i>- Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	735	250	34.01%	49.99%	735
	<i>- Thu từ thu nhập sau thuế</i>	2,795	800	28.62%	73.77%	2,795
	<i>- Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	12,515	6,150	49.14%	91.23%	12,515
	<i>- Thu khác</i>					
<b>II</b>	<b>THU TỪ DẦU THÔ</b>					

TT	NỘI DUNG	Dự toán	UTH 6 tháng đầu năm	So sánh		UTH năm 2024
				DT	Cùng kỳ	
<b>III</b>	<b>THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU</b>	<b>7,000,000</b>	<b>3,688,000</b>	<b>52.69%</b>	<b>108.35%</b>	<b>7,300,000</b>
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	6,540,000	3,299,161	<b>50.45%</b>	<b>105.80%</b>	6,410,500
2	Thuế xuất khẩu	61,000	32,064	<b>52.56%</b>	<b>70.55%</b>	74,500
3	Thuế nhập khẩu	390,000	319,935	<b>82.03%</b>	<b>138.77%</b>	742,000
4	Thuế TTĐB từ hàng hóa nhập khẩu					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	4,000	2,240	<b>56.00%</b>	<b>128.64%</b>	4,400
6	Khác	5,000	34,600	<b>692.00%</b>	<b>1588.00%</b>	68,600
7	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam					
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>					
<b>V</b>	<b>Các khoản huy động đóng góp</b>					
<b>VI</b>	<b>Thu từ quỹ dự trữ tài chính</b>					

## DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐẾN 30/6/2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC ngày 12/06/2024 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán	UTH 6 tháng đầu năm	So sánh		UTH năm 2024
				Dự toán	Cùng kỳ	
A	B	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ (I+II+III)</b>	<b>21,103,950</b>	<b>8,881,290</b>	<b>42.08%</b>	<b>119.36%</b>	<b>20,743,950</b>
<b>I</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>19,493,213</b>	<b>8,881,290</b>	<b>45.56%</b>	<b>119.36%</b>	<b>19,133,213</b>
<b>1</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>7,534,639</b>	<b>4,537,426</b>	<b>60.22%</b>	<b>121.16%</b>	<b>7,174,639</b>
<b>1.1</b>	<b>Chi đầu tư cho các dự án</b>	<b>7,089,639</b>	<b>4,452,426</b>	<b>62.80%</b>	<b>118.89%</b>	<b>7,089,639</b>
-	Chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước	2,335,289				
-	Dự kiến chi từ nguồn cải cách tiền lương					
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3,600,000				
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	25,000				
-	Chi đầu tư từ nguồn tiết kiệm chi, tăng thu	0				
-	Chi từ nguồn bội chi ngân sách	1,000,000				0
-	Bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư	94,300				
-	Chi từ nguồn thu điều tiết ngân sách huyện, xã	35,050				
1.2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	0				
1.3	Chi đầu tư phát triển khác	445,000	85,000	<b>19.10%</b>		85,000
<b>2</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>11,103,066</b>	<b>4,190,340</b>	<b>37.74%</b>	<b>113.48%</b>	<b>11,103,066</b>
2.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4,479,212	1,784,237	39.83%	126.64%	4,479,212
2.2	Chi khoa học và công nghệ	62,494	30,887	49.42%	127.02%	62,494
2.3	Chi quốc phòng	170,882	94,551	55.33%	98.63%	170,882
2.4	Chi an ninh	234,837	59,849	25.49%	71.82%	234,837
2.5	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	704,255	354,524	50.34%	128.10%	704,255
2.6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	267,745	90,950	33.97%	94.85%	267,745
2.7	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	45,783	18,179	39.71%	98.71%	45,783
2.8	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	97,976	36,768	37.53%	95.15%	97,976
2.9	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	583,586	154,351	26.45%	119.94%	583,586
2.10	Chi hoạt động kinh tế	2,143,165	487,771	22.76%	113.68%	2,143,165
2.11	Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	1,473,690	599,488	40.68%	102.35%	1,473,690
2.12	Chi bảo đảm xã hội	716,568	438,681	61.22%	118.80%	716,568
2.13	Chi khác	122,873	40,103	32.64%	29.11%	122,873
<b>3</b>	<b>Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay</b>	<b>3,900</b>	<b>1,916</b>	<b>49.13%</b>	<b>98.61%</b>	<b>3,900</b>
<b>4</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1,000</b>	<b>1,000</b>	<b>100.00%</b>	<b>100.00%</b>	<b>1,000</b>
<b>5</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>700,000</b>		<b>0.00%</b>		<b>700,000</b>
<b>6</b>	<b>Chi tạo nguồn cải cách tiền lương</b>	<b>150,608</b>	<b>150,608</b>	<b>100.00%</b>		<b>150,608</b>
<b>7</b>	<b>Chi nộp ngân sách cấp trên</b>					<b>0</b>
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu</b>	<b>1,610,737</b>		<b>0.00%</b>		<b>1,610,737</b>
1	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					
2	Chi đầu tư các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác	1,500,380		<b>0.00%</b>		1,500,380
3	Chi thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định	110,357		<b>0.00%</b>		110,357
<b>IV</b>	<b>Chi chuyển nguồn</b>					
<b>B</b>	<b>BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG/BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>					
1	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1,000,000				0
2	VAY ĐỂ TRẢ NỢ GÓC					
3	BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (trả nợ gốc)	7,600	3,822	50.29%		7,700

**TỔNG HỢP NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG CẤP TỈNH NĂM 2024**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC ngày 12/06/2024 của Sở Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Quyết định		Cấp tỉnh
		Số	Ngày	
<b>A</b>	<b>Nguồn Ngân sách cấp tỉnh dành làm lương năm 2023</b>			<b>7,405,287</b>
1	Nguồn năm 2023 thừa mang sang			7,302,183
2	Chi tạo nguồn CCTL 2024			103,104
<b>B</b>	<b>Sử dụng</b>			<b>10,157</b>
-	Kinh phí xếp lương theo chức danh nghề nghiệp viên chức giáo viên theo Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT và kinh phí chi lương cho biên chế giáo viên mới tuyển dụng	213	5/3/2024	10,030
-	Chênh lệch CCTL của Hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa	213	5/3/2024	10
-	Tính giảm biên chế			117
<b>C</b>	<b>Nguồn Cải cách tiền lương thực tồn quỹ</b>			<b>7,395,130</b>

**TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2024**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC ngày 12/06/2024 của Sở Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Quyết định phân bổ	Số tiền
<b>A</b>	<b>Nguồn</b>		<b>549,962</b>
<b>1</b>	<b>Dự toán 2024</b>		<b>549,962</b>
<b>B</b>	<b>Sử dụng</b>		<b>70,900</b>
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình Xử lý khẩn cấp sạt lở khu vực bãi sông đoạn từ K49+300 + K49+430 đê Hữu Cầu	96-21/3/2024	52,025
2	Hỗ trợ dịch tả lợn châu Phi	59-04/3/2024	13,542
3	Kinh phí tổ chức hội nghị công bố quy hoạch và xúc tiến đầu tư	84-14/3/2024	1,444
4	Bổ sung cho một số đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ được giao	213-03/5/2024	2,052
5	Hỗ trợ dịch tả lợn châu Phi và cúm gia cầm H5N1		1,838
<b>C</b>	<b>Còn lại</b>		<b>479,062</b>

Ghi chú: UBND tỉnh ban hành Quyết định số 236/QĐ-UBND sử dụng 1.870 triệu đồng chi thực hiện nhiệm vụ của đoàn đi công tác nước ngoài tại Trung Quốc; tại kỳ họp này đã trình HĐND tỉnh phân bổ từ nguồn quản lý hành chính; sau khi HĐND tỉnh thông qua UBND tỉnh sẽ quyết định giao dự toán từ nguồn chi quản lý hành chính đồng thời thu hồi hoàn trả nguồn dự phòng.

**TỔNG HỢP KINH PHÍ CHI NHIỆM VỤ CHUNG NĂM 2024**  
(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC ngày 12/06/2024 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Tổng DT 2024	Đã phân bổ đến 31/3/2024	Trình bổ sung tháng 7/2024	Trình điều chỉnh kinh phí tháng 7/2024	Dự kiến tiếp tục sử dụng đến hết năm
	<b>Tổng</b>	<b>2,248,226</b>	<b>353,059</b>	<b>529,907</b>	<b>42,067</b>	<b>1,323,194</b>
1	Hỗ trợ kinh phí hoạt động của Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh	1,000	1,000			-
2	Kinh phí tổ chức đào tạo cán bộ, công chức; thu hút nhân tài	4,000	-	2,469		1,531
3	Kinh phí quy hoạch	66,338	-	5,074		61,264
4	Kinh phí thực hiện chương trình sửa học đường	2,000	-			2,000
5	Kinh phí thực hiện đề án tư vấn học đường	9,297	3,040			6,257
6	Kinh phí thực hiện Nghị quyết 316/NQ-HĐND: Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và mua sắm trang thiết bị đồ dùng dạy học	630,000	77,933		22,826	529,241
7	Hỗ trợ học phí (Theo Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND)	95,177	-	33,395		61,782
8	Hỗ trợ lãi suất dự án nước sạch	3,190	3,190			-
9	Kinh phí đối ứng các dự án, đề án, nhiệm vụ an ninh; thực hiện công tác bảo vệ ngày lễ lớn	115,511	3,464	5,906	13,241	92,901
11	Kinh phí hỗ trợ giáo dục ngoài công lập	10,000	-			10,000
12	Kinh phí diễn tập phòng thủ huyện	6,000	-	6,000		-
13	Hỗ trợ kinh phí chính trang đô thị chào mừng tái lập và giải phóng các huyện, thành phố, thị xã; chào mừng đại hội Đảng;	210,000	-	210,000		-
14	Hỗ trợ kinh phí tổ chức chào mừng tái lập và giải phóng huyện, thành phố, thị xã	17,000	-	17,000		-
15	Hỗ trợ các địa phương thực hiện sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã	25,000	-			25,000
16	Kinh phí thực hiện các đề tài, nhiệm vụ khoa học	45,045	-			45,045
17	Kinh phí hỗ trợ các cơ quan tư pháp	3,200	-	1,051		2,149
18	Kinh phí hỗ trợ tăng cường công tác thu ngân sách	3,300	1,300			2,000
19	Kinh phí hỗ trợ công tác kiểm soát chi, khóa sổ cuối năm, quyết toán ngân sách địa phương	1,000	-			1,000
20	Kinh phí hỗ trợ công tác thống kê	1,106	1,052			54
21	Kinh phí tổ chức các ngày lễ lớn của Phật giáo	453	-			453
22	Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp	53,108	4,056	5,871		43,181
23	Kinh phí tăng biên chế giáo viên và chi trả hợp đồng giáo viên ngoài chỉ tiêu biên chế	100,000	-			100,000
24	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cấp ủy	27,063	-	8,435		18,628
25	Kinh phí bảo trì đường bộ	59,389	-	59,389		-
26	Kinh phí tu bổ chống xuống cấp di tích	80,000	72,950	7,050		-
27	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ môi trường	74,000	-		-	74,000
28	Kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết số 25-NQ/BTV của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	80,000	-	36,334		43,666
29	Thống kê đất đai năm 2023 và chuẩn bị kiểm kê đất đai năm 2024	8,000	-			8,000
30	Quản lý cơ sở nhà đất và tài sản gắn liền với đất được giao quản lý	1,480	-	1,465		15
31	Kinh phí đoàn đi nước ngoài quảng bá tranh dân gian và dân ca quan họ	2,000	1,999			1
32	Kinh phí tổ chức các hoạt động kỷ niệm và chương trình nghệ thuật đặc biệt nhân kỷ niệm 15 năm dân ca quan họ Bắc Ninh được Unesco vinh danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại	15,000	-			15,000
33	Nhiệm vụ xúc tiến du lịch	11,877	-		6,000	5,877
34	Kinh phí thiết kế, sản xuất sản phẩm lưu niệm phục vụ du lịch từ giá trị di sản văn hóa và các bảo vật Quốc gia	1,500	-			1,500
35	Chương trình xúc tiến đầu tư	2,708	2,670			38
36	Duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều	85,000	85,000			-
37	Mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công	34,857	-	13,162		21,695
38	Mua sắm xe ô tô	27,255	-	25,255		2,000
39	Kinh phí quà tết nguyên đán, quà 27/7 cho các đối tượng chính sách	28,321	12,145			16,176
40	Kinh phí bảo trì, sửa chữa công trình thủy lợi	127,268	44,480	82,788		-
41	Tổ chức trình diễn các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống tại một số điểm du lịch (Kế hoạch số 161/KH-UBND)	2,103	-			2,103
42	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, dự án công nghệ thông tin	127,280	-			127,280
43	Trợ giá xe buýt	51,400	38,779	9,264		3,357

**TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NHIỆM VỤ CHUNG**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC ngày 12/06/2024 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng	Chi quốc phòng	An Ninh	GD-ĐT	Y tế, Dân số	KHCN	VHTT	PTTH	TDTT	BDXH	SN kinh tế	Môi trường	Hành chính	Chi khác NS
<b>I</b>	<b>Dự toán đã giao cho đơn vị</b>														
<b>1</b>	<b>Điều chỉnh đi</b>	<b>987.553</b>						<b>987.553</b>							
-	Kinh phí thực hiện điều chỉnh, bổ sung quy hoạch quảng cáo ngoài trời tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030 định hướng đến năm 2035	987.553						987.553							
<b>2</b>	<b>Điều chỉnh đến</b>	<b>987.553</b>										<b>987.553</b>			
-	Kinh phí thực hiện điều chỉnh, bổ sung quy hoạch quảng cáo ngoài trời tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030 định hướng đến năm 2035	987.553										987.553			
<b>II</b>	<b>Điều chỉnh lĩnh vực chi kinh phí đã bố trí trong nhiệm vụ chung</b>														
<b>1</b>	<b>Điều chỉnh đi</b>	<b>24,112</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>17,000</b>	<b>0</b>	<b>7,112</b>	<b>0</b>
-	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cấp ủy	7,112												7,112	
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức chào mừng tái lập và giải phòng các huyện, thành phố, thị xã	17,000										17,000			
<b>2</b>	<b>Điều chỉnh đến</b>	<b>24,112</b>				<b>549</b>		<b>23,563</b>							
-	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cấp ủy	7,112				549		6,563							
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức chào mừng tái lập và giải phòng các huyện, thành phố, thị xã	17,000						17,000							
<b>III</b>	<b>Nhiệm vụ chung</b>														
<b>1</b>	<b>Điều chỉnh đi</b>	<b>42,067</b>	<b>0</b>	<b>13,241</b>	<b>22,826</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>6,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 316/NQ-HĐND: Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và mua sắm trang thiết bị đồ dùng dạy học	22,826			22,826										
-	Kinh phí thực hiện công tác bảo vệ các ngày lễ lớn	13,241		13,241											
-	Nhiệm vụ xúc tiến du lịch	6,000										6,000			
<b>2</b>	<b>Điều chỉnh đến</b>	<b>42,067</b>	<b>0</b>	<b>81</b>	<b>22,826</b>	<b>10,159</b>	<b>0</b>	<b>3,092</b>	<b>143</b>	<b>0</b>	<b>50</b>	<b>3,886</b>	<b>0</b>	<b>1,410</b>	<b>420</b>
-	Kinh phí bổ sung thực hiện các chế độ chính sách và các nhiệm vụ được giao	42,067		81	22,826	10,159		3,092	143		50	3,886		1,410	420



**TỔNG HỢP THU HỒI KINH PHÍ NĂM 2024**  
(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC ngày 12/06/2024 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3,214,864,000</b>	
<b>1</b>	<b>Sở Nông nghiệp Phát triển Nông thôn</b>	<b>1,204,500,000</b>	
	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao còn dư theo Công văn số 797/SNN-KHTC ngày 17/5/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNN		
-	Chi quản lý nhà nước	756,000,000	
-	Chi sự nghiệp kinh tế	248,500,000	
-	Chi sự nghiệp đào tạo	200,000,000	
<b>2</b>	<b>Sở Khoa học và Công nghệ</b>	<b>125,000,000</b>	
	Chi quản lý nhà nước: Kinh phí thu hồi do giảm biên chế	125,000,000	
<b>3</b>	<b>Công an tỉnh</b>	<b>1,531,000,000</b>	
	Chi an ninh: Kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ lực lượng công an xã, tổ dân phòng tự quản khu dân cư	1,531,000,000	
<b>4</b>	<b>UBND huyện Lương Tài</b>	<b>354,364,000</b>	
-	Kinh phí hợp đồng lao động giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, giáo dục thường xuyên và nhân viên nấu ăn các cơ sở giáo dục mầm non công lập, kỳ II năm học 2023-2024 (theo Nghị quyết 214/NQ-HĐND ngày 07/7/2023)	343,584,000	
-	Hỗ trợ kinh phí đồng học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2022-2023 đến năm học 2025-2026 (Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 12/4/2023), Kỳ II năm học 2023 -2024	10,780,000	

**TỔNG HỢP BỔ SUNG KINH PHÍ CHO CÁC ĐƠN VỊ**  
(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC ngày 12/06/2024 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Nguồn	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	<b>622,251,725,000</b>		
<b>1</b>	<b>Sở Kế hoạch và Đầu tư</b>	<b>73,125,000</b>		
	Kinh phí đào tạo bồi dưỡng CBCC	17,000,000	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	Nhiệm vụ chung
	Kinh phí xây dựng văn bản QPPL	52,000,000	Quản lý hành chính	Nguồn điều chỉnh
	Trang phục thanh tra	4,125,000	Quản lý hành chính	Nguồn điều chỉnh
<b>2</b>	<b>Sở Tư pháp</b>	<b>69,880,000</b>		
	Kinh phí đào tạo bồi dưỡng CBCC	69,880,000	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	Nhiệm vụ chung
<b>3</b>	<b>Sở Tài chính</b>	<b>99,160,000</b>		
	Kinh phí đào tạo bồi dưỡng CBCC	99,160,000	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	Nhiệm vụ chung
<b>4</b>	<b>Sở Nội vụ</b>	<b>154,085,000</b>		
	Kinh phí đào tạo bồi dưỡng CBCC	154,085,000	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	Nhiệm vụ chung
<b>5</b>	<b>Sở Công thương</b>	<b>1,537,000,000</b>		
	Kinh phí trưng bày sản phẩm làng nghề truyền thống - kỷ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ	4,000,000	Sự nghiệp kinh tế	Nguồn điều chỉnh
	Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật để doanh nghiệp áp dụng công cụ cải tiến liên tục (Kaizen) trong sản xuất	1,533,000,000	Sự nghiệp kinh tế	Nguồn điều chỉnh
<b>6</b>	<b>Sở Lao động-TB&amp;XH</b>	<b>15,826,423,000</b>		
	Hỗ trợ kinh phí truy tặng Mẹ Việt Nam anh hùng	50,000,000	Đảm bảo xã hội	Nguồn điều chỉnh
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết 10/2021/NQ-HĐND về việc Quy định hỗ trợ học phí cho học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông học nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh, từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026	15,776,423,000	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	Nguồn điều chỉnh
<b>7</b>	<b>Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ</b>	<b>1,864,860,000</b>	<b>Sự nghiệp giáo dục - đào tạo</b>	<b>Nhiệm vụ chung</b>
<i>a</i>	<i>Lớp bồi dưỡng ngạch Chuyên viên Cao cấp</i>	<i>652,600,000</i>		
<i>b</i>	<i>Đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ, CCVC</i>	<i>1,212,260,000</i>		
	Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, phương pháp giảng dạy tích cực cho giảng viên	51,000,000		
	Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng cho cán bộ quản lý cấp cơ sở	343,140,000		
	Bồi dưỡng kiến thức QLNN cho cán bộ quy hoạch lãnh đạo quản lý cấp sở và tương đương, quy hoạch lãnh đạo cấp huyện và tương đương	744,320,000		
	Bồi dưỡng kiến thức QLNN chức danh lãnh đạo quản lý cấp phòng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và UBND các huyện	73,800,000		
<b>8</b>	<b>Đài PTTH tỉnh</b>	<b>143,000,000</b>		
	Truyền hình trực tiếp giải bóng đá hạng nhì quốc gia	143,000,000	Sự nghiệp Phát thanh truyền hình	Nguồn điều chỉnh
<b>9</b>	<b>Ban đại diện Hội người cao tuổi tỉnh</b>	<b>303,598,000</b>		
	Kinh phí tổ chức Đại hội thành lập Hội Người cao tuổi tỉnh BN (làm điếm toàn quốc)	303,598,000	Quản lý hành chính	Nguồn điều chỉnh
<b>10</b>	<b>Thanh tra tỉnh</b>	<b>40,500,000</b>		
	Kinh phí đào tạo bồi dưỡng CBCC	40,500,000	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	Nhiệm vụ chung
<b>11</b>	<b>Hội nông dân</b>	<b>1,144,100,000</b>		
-	Kinh phí đào tạo bồi dưỡng CBCC	84,100,000	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	Nhiệm vụ chung

STT	Nội dung	Số tiền	Nguồn	Ghi chú
-	Mua xe ô tô	1,060,000,000	Quản lý hành chính	Nhiệm vụ chung
<b>12</b>	<b>Hội liên hiệp phụ nữ</b>	<b>78,550,000</b>		
	Kinh phí đào tạo bồi dưỡng CBCC	78,550,000	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	Nhiệm vụ chung
<b>13</b>	<b>Hội Cựu chiến binh</b>	<b>61,330,000</b>		
	Kinh phí đào tạo bồi dưỡng CBCC	61,330,000	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	Nhiệm vụ chung
<b>14</b>	<b>Sở Giao thông Vận tải</b>	<b>110,716,127,000</b>		
-	Chênh lệch lương của số người làm việc tuyển mới tại Trung tâm Điều hành và Giám sát GTVT	89,127,000	Sự nghiệp kinh tế	Nguồn điều chỉnh
-	Bảo trì hệ thống các tuyến đường bộ trên địa bàn tỉnh	109,567,000,000	Sự nghiệp kinh tế	- Nhiệm vụ chung: 59.389 triệu đồng; - BSMTTW: 50.178 triệu đồng. (Chi tiết theo phụ lục 06e)
-	Mua xe ô tô dùng chung	1,060,000,000	Quản lý hành chính	Nhiệm vụ chung
<b>15</b>	<b>Sở Tài nguyên và Môi trường</b>	<b>13,465,200,000</b>		
	Kinh phí để thuê bảo vệ cho 04 cơ sở nhà đất có tài sản công, có công trình, tài sản do nhà nước đầu tư xây dựng, được UBND tỉnh giao Trung tâm phát triển quỹ đất quản lý: Viện quy hoạch kiến trúc Bắc Ninh; Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh; Ban quản lý khu vực phát triển đô thị Bắc Ninh; Bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Ninh (số 41 đường Nguyễn Đăng Đạo, thành phố Bắc Ninh)	1,465,200,000	Sự nghiệp kinh tế	Nhiệm vụ chung
	Sửa chữa trụ sở Sở Tài nguyên và Môi trường	12,000,000,000	Quản lý hành chính	Nhiệm vụ chung
<b>16</b>	<b>Tỉnh ủy</b>	<b>13,413,545,000</b>		
-	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ của đoàn đi công tác nước ngoài tại Trung Quốc	1,081,732,000	Quản lý hành chính	Nhiệm vụ chung
-	Kinh phí cho đoàn đi công tác tại TP. Hồ Chí Minh	98,971,000	Quản lý hành chính	Nhiệm vụ chung
-	Kinh phí chênh lệch của 01 biên chế bổ sung	141,842,000	Quản lý hành chính	Nhiệm vụ chung
-	Kinh phí trợ giá báo năm tạm tính quý III/2024	6,563,000,000	Sự nghiệp văn hóa	Nhiệm vụ chung
-	Kinh phí mua hóa chất, vật tư y tế, thuốc, thực phẩm chức năng; phục vụ nghỉ dưỡng đối với các đối tượng đương chức và nguyên đương chức năm 2024	549,000,000	Sự nghiệp y tế	Nhiệm vụ chung
-	Mua xe ô tô dùng chung	4,979,000,000	Quản lý hành chính	Nhiệm vụ chung
<b>17</b>	<b>Sở Tài chính</b>	<b>499,763,000</b>		
	Sửa chữa trụ sở	499,763,000	Quản lý hành chính	Nhiệm vụ chung
<b>18</b>	<b>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>	<b>3,862,000,000</b>		
-	Chi cục phát triển nông thôn	662,000,000		
	Sửa chữa, bảo dưỡng các biển chỉ dẫn, quảng bá, giới thiệu sản phẩm làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh	662,000,000	Sự nghiệp kinh tế	Nhiệm vụ chung
-	Kinh phí xây dựng văn bản QPPL	20,000,000	Quản lý hành chính	Nguồn điều chỉnh
-	Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật: Mua xe ô tô dùng chung	1,060,000,000	Quản lý hành chính	Nhiệm vụ chung
-	Chi cục kiểm lâm: Mua xe ô tô dùng chung	1,060,000,000	Quản lý hành chính	Nhiệm vụ chung
-	Chi cục chăn nuôi, thú y và thủy sản: Mua xe ô tô dùng chung	1,060,000,000	Quản lý hành chính	Nhiệm vụ chung
<b>19</b>	<b>Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch</b>	<b>6,450,000,000</b>		
-	Trung tâm bảo tồn di tích và xúc tiến du lịch: Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa năm 2024	4,000,000,000	Sự nghiệp văn hóa	Nhiệm vụ chung
	Chùa Dâu	1,200,000,000		
	Đền thờ Lê Văn Thịnh	900,000,000		

STT	Nội dung	Số tiền	Nguồn	Ghi chú
	Đình, Chùa Đồng Kỵ	900,000,000		
	Đền Tam Phú	1,000,000,000		
-	Kinh phí xây dựng văn bản QPPL	70,000,000	Quản lý hành chính	Nguồn điều chỉnh
-	Trường trung cấp văn hóa nghệ thuật và du lịch: Mua xe chuyên dùng	2,380,000,000	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	Nguồn điều chỉnh
<b>20</b>	<b>Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đổng</b>	<b>55,788,000,000</b>	<b>Sự nghiệp kinh tế</b>	<b>Nhiệm vụ chung</b>
-	Kinh phí sửa chữa lớn TSCĐ	23,000,000,000		
-	Kinh phí duy tu sửa chữa thường xuyên kết cấu hạ tầng thủy lợi	32,788,000,000		
<b>21</b>	<b>Công ty TNHH MTV KTCTTL Nam Đổng</b>	<b>27,000,000,000</b>	<b>Sự nghiệp kinh tế</b>	<b>Nhiệm vụ chung</b>
-	Kinh phí sửa chữa lớn TSCĐ	9,000,000,000		
-	Kinh phí duy tu sửa chữa thường xuyên kết cấu hạ tầng thủy lợi	18,000,000,000		
<b>22</b>	<b>Kinh phí trợ giá và hỗ trợ lãi suất đầu tư phương tiện các tuyến xe buýt</b>	<b>9,263,651,000</b>	<b>Sự nghiệp kinh tế</b>	<b>Nhiệm vụ chung</b>
-	Công ty cổ phần xe khách Hà Nội	3,563,184,000		
-	Công ty cổ phần xe khách Bắc Ninh	2,582,981,000		
-	Công ty TNHH MTV xe khách-du lịch và thương mại Thanh Bình (Chi nhánh Bắc Ninh)	3,117,486,000		
<b>23</b>	<b>Sở Thông tin và truyền thông</b>	<b>3,285,970,000</b>		
-	Hội nghị sơ kết 01 năm xây dựng "Tinh An toàn giao thông"	115,970,000	Quản lý hành chính	Nguồn điều chỉnh
-	Mua xe ô tô dùng chung	1,060,000,000	Quản lý hành chính	Nhiệm vụ chung
-	Mua xe chuyên dùng	2,110,000,000	Sự nghiệp kinh tế	Nguồn điều chỉnh
<b>24</b>	<b>Ban Quản lý các khu công nghiệp</b>	<b>2,157,994,000</b>		
	Kinh phí lập đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu CN Thuận Thành III-Phân khu C	2,157,994,000	Sự nghiệp kinh tế	Nhiệm vụ chung
<b>25</b>	<b>Tỉnh Đoàn thanh niên</b>	<b>2,516,886,000</b>		
-	Kinh phí tổ chức Cuộc thi "Sáng tạo nội dung tuyên truyền Bộ Quy tắc "Văn hóa giao thông" của người Bắc Ninh"	136,886,000	Sự nghiệp văn hóa	Nguồn điều chỉnh
-	Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi: Mua xe chuyên dùng	2,380,000,000	Sự nghiệp văn hóa	Nguồn điều chỉnh
<b>26</b>	<b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>	<b>33,394,975,000</b>		
	Kinh phí hỗ trợ đóng học phí theo Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND; năm học 2023-2024	33,394,975,000	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	Nhiệm vụ chung
<b>27</b>	<b>Sở Xây dựng</b>	<b>150,000,000</b>		
	Xây dựng bộ đơn giá dịch vụ công đô thị (Duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị; duy trì cây xanh đô thị)	150,000,000	Sự nghiệp kinh tế	Nguồn điều chỉnh
<b>28</b>	<b>Công an tỉnh</b>	<b>1,242,000,000</b>		
-	Tổ chức Hội nghị tập huấn về công tác bảo vệ và đấu tranh về Nhân quyền trên địa bàn tỉnh	75,000,000	An ninh	Nhiệm vụ chung
-	Kinh phí hoạt động tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống thông tin mạng trong toàn Công an tỉnh: Tuyên truyền, tập huấn; tổ chức hội nghị tổng kết đánh giá	100,000,000	An ninh	Nhiệm vụ chung
-	Kinh phí diễn tập công tác đảm bảo an ninh mạng và ứng cứu sự cố thông tin	497,000,000	An ninh	Nhiệm vụ chung
-	Tổ chức hội nghị tuyên truyền thực hiện chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới	570,000,000	An ninh	Nhiệm vụ chung
<b>29</b>	<b>Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh</b>	<b>320,000,000</b>	<b>Chi khác</b>	<b>Nhiệm vụ chung</b>
-	Hội nghị sơ kết các quy chế 6 tháng và tổng kết cuối năm 2024	30,000,000		

STT	Nội dung	Số tiền	Nguồn	Ghi chú
-	Thường trực liên ngành kiểm tra việc phối hợp thực hiện quy chế của cấp dưới	30,000,000		
-	Kinh phí hỗ trợ giải quyết các vụ án điểm, án lớn	100,000,000		
-	Tổ chức phiên tòa tranh tụng để Kiểm sát viên rút kinh nghiệm theo yêu cầu Nghị Quyết 49 của Bộ chính trị về cải cách tư pháp	60,000,000		
-	Kinh phí hỗ trợ tổ chức các phiên tòa xét xử lưu động	50,000,000		
	Kinh phí tuyên truyền trong trang thông tin điện tử	50,000,000		
<b>30</b>	<b>Tòa án nhân dân tỉnh</b>	<b>271,000,000</b>	<b>Chi khác</b>	<b>Nhiệm vụ chung</b>
-	Chi hỗ trợ Đoàn Hội thẩm nhân dân	221,000,000		
-	Chi các phiên tòa xét xử lưu động về ma túy	50,000,000		
<b>31</b>	<b>Cục Thi hành án dân sự tỉnh</b>	<b>460,000,000</b>	<b>Chi khác</b>	<b>Nhiệm vụ chung</b>
-	Chi hợp Ban chỉ đạo Thi hành án, mua VPP, chi hội nghị	10,000,000		
-	Chi tiêu hủy vật chứng, tài sản: Bồi dưỡng cho hội đồng tiêu hủy vật chứng; chi thuê chuyên gia, tổ chức để thực hiện tiêu hủy vật chứng, tài sản đặc thù, có số lượng lớn như: tiêu hủy các loại hóa chất độc hại hoặc các vật chứng, tài sản khác mà cần thiết phải có các trang thiết bị chuyên dùng để thực hiện việc tiêu hủy tài sản đảm bảo an toàn và không làm ảnh hưởng đến môi trường tại nơi tiêu hủy	400,000,000		
-	Thuê bảo quản vật chứng, tài sản thi hành án	30,000,000		
-	Chi thuê phiên dịch tiếng với trường hợp đương sự là người nước ngoài, chi xác minh thi hành án	20,000,000		
<b>32</b>	<b>Hội chiến sỹ Thành cổ Quảng Trị năm 1972</b>	<b>419,800,000</b>	<b>Chi khác</b>	<b>Nguồn điều chỉnh</b>
-	Tổ chức Đoàn thăm viếng vào dịp ngày thương binh liệt sỹ 27/7 tại các Nghĩa trang Quốc gia tại tỉnh Quảng trị và Thành cổ Quảng Trị	79,750,000		
-	Tổ chức biên tập sách "Ký ức chiến tranh mùa hè năm 1972" được duyệt và in ấn phát hành	108,000,000		
-	Tổ chức trưng bày, triển lãm, giới thiệu các "Ký vật chiến tranh" tại Bảo tàng Bắc Ninh và 8 huyện trên địa bàn tỉnh	232,050,000		
<b>33</b>	<b>Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh</b>	<b>4,663,662,000</b>	<b>Quốc phòng</b>	<b>Nhiệm vụ chung</b>
-	Trực sẵn sàng chiến đấu bảo vệ lễ kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ	597,772,000		
-	Hỗ trợ tiền điện nước cho đội bóng chuyên nữ Kinh Bắc	67,108,000		
-	Hoạt động Ban Chỉ đạo diễn tập khu vực phòng thủ huyện Tiên Du năm 2024	77,750,000		
-	Phối hợp đảm bảo an ninh và rà phá bom mìn Hội nghị sơ kết 01 năm xây dựng tỉnh ATGT	21,132,000		
-	Hỗ trợ kinh phí xuất bản sách "Tướng lĩnh Bắc Ninh	399,900,000		
-	Hỗ trợ kinh phí sửa chữa doanh trại trung đoàn 833	3,500,000,000		
<b>34</b>	<b>Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh</b>	<b>4,160,000,000</b>		
-	Mua xe ô tô dùng chung	4,160,000,000	Quản lý hành chính	Nhiệm vụ chung
<b>35</b>	<b>Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh</b>	<b>1,060,000,000</b>		
-	Mua xe ô tô dùng chung	1,060,000,000	Quản lý hành chính	Nhiệm vụ chung
<b>36</b>	<b>Ban Quản lý an toàn thực phẩm</b>	<b>1,060,000,000</b>		
-	Mua xe ô tô dùng chung	1,060,000,000	Quản lý hành chính	Nhiệm vụ chung
<b>35</b>	<b>Chi trả nợ gốc</b>	<b>100,000,000</b>	<b>Tặng thu, tiết kiệm chi năm 2023</b>	

STT	Nội dung	Số tiền	Nguồn	Ghi chú
<b>36</b>	<b>Bổ sung mục tiêu</b>	<b>305,135,541,000</b>		<b>Chi tiết theo phụ lục 06d</b>

Ghi chú: Các đơn vị được giao dự toán chỉ thực hiện phân bổ cho các đơn vị trực thuộc khi đảm bảo đầy đủ điều kiện phân bổ theo quy định

**BỔ SUNG MỤC TIÊU NĂM 2024**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC ngày 12/06/2024 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng	Bắc Ninh	Tiên Du	Lương Tài	Quế Võ	Thuận Thành	Yên Phong	Từ Sơn	Gia Bình	Nguồn	Ghi chú
	<b>TỔNG</b>	<b>305,136</b>	<b>82,553</b>	<b>41,560</b>	<b>35,627</b>	<b>24,066</b>	<b>25,730</b>	<b>21,060</b>	<b>34,635</b>	<b>39,905</b>		
1	Kinh phí tổ chức chào mừng 25 năm tái lập các huyện, thành phố, thị xã và kỷ niệm 70 năm ngày giải phóng thành phố Bắc Ninh	17,000	5,000	3,000	3,000				3,000	3,000	Sự nghiệp văn hóa	Nhiệm vụ chung
2	Kinh phí chuẩn bị Đại hội Đảng các cấp và chỉnh trang đô thị chào mừng 25 năm tái lập các huyện, thành phố, thị xã và kỷ niệm 70 năm ngày giải phóng thành phố Bắc Ninh (Tại Nghị quyết số 245/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh bố trí 20 tỷ đồng/đơn vị cho các huyện, thành phố, thị xã để chỉnh trang đô thị, chuẩn bị hội trường... chuẩn bị Đại hội Đảng các cấp; đối với các huyện, thành phố, thị xã kỷ niệm 25 năm tái lập, thành lập huyện (Từ Sơn, Tiên Du, Lương Tài, Gia Bình) và thành phố Bắc Ninh kỷ niệm 70 năm giải phóng, bố trí thêm mỗi huyện, thành phố, thị xã 10 tỷ đồng/đơn vị)	210,000	30,000	30,000	30,000	20,000	20,000	20,000	30,000	30,000	Sự nghiệp kinh tế	Nhiệm vụ chung
-	Sửa chữa trụ sở làm việc, nhà văn hóa, trung tâm thể thao... phục vụ công tác bầu cử và Đại hội Đảng	84,800	9,000	5,500	18,300	10,000	8,000	17,000	10,000	7,000		
-	Sửa chữa, chỉnh trang vỉa hè, công viên cây xanh, hệ thống thoát nước, công trình công cộng	60,400	13,100	2,300	7,000	2,000	2,000	3,000	18,000	13,000		
-	Sửa chữa, lắp đặt hệ thống điện đường chiếu sáng, đèn trang trí các tuyến đường	59,800	2,900	22,200	4,700	8,000	10,000		2,000	10,000		
-	Trang trí các tuyến đường phục vụ chào mừng đại hội đảng	5,000	5,000									
3	Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp	5,871	-	-	-	2,925	-	-	-	2,946	Sự nghiệp kinh tế	Nhiệm vụ chung
-	Phương án xây dựng nhà màng sản xuất nông nghiệp theo hướng an toàn của bà Nguyễn Phương Anh, thôn Phương Triện, xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh	1,363								1,363		
-	Phương án xây dựng nhà màng sản xuất nông sản có giá trị kinh tế cao tại thôn Ngãm Mạc xã Lãng Ngâm, huyện Gia Bình	1,583								1,583		
-	Phương án xây dựng nhà màng sản xuất nông nghiệp tại phường Cách Bi, thị xã Quế Võ	803				803						
-	Phương án xây dựng kho lạnh bảo quản nông sản do Công ty TNHH Thái ECO làm chủ đầu tư	1,654				1,654						
-	Phương án xây dựng kho lạnh bảo quản nông sản do ông Trịnh Đắc Duy làm chủ đầu tư	468				468						
4	Tu bổ chống xuống cấp di tích	3,050	-	1,500	-	-	-	-	-	1,550	Sự nghiệp văn hóa	Nhiệm vụ chung
-	Đình làng Nhân Hữu - xã Nhân Thắng	1,550								1,550		
-	Đền Phụ Quốc -Xã Phú Lâm	1,500		1,500								
5	Kinh phí giải phóng đá hạng nhì Quốc gia năm 2024 tại Bắc Ninh	575							575		Sự nghiệp văn hóa	Nguồn điều chỉnh
6	Kinh phí trợ cấp một lần cho công an xã nghi việc theo Nghị định số 73/2009/NĐ-CP	81				81					An ninh	Nguồn điều chỉnh

STT	Nội dung	Tổng	Bắc Ninh	Tiên Du	Lương Tài	Quế Võ	Thuận Thành	Yên Phong	Từ Sơn	Gia Bình	Nguồn	Ghi chú
8	Bổ sung kinh phí chi khám chữa bệnh và các hoạt động dân số và gia đình năm 2024 do thay đổi phân cấp tổ chức chức năng y tế Quyết định số 666/QĐ-UBND về việc tổ chức lại Trung tâm y tế thành phố Bắc Ninh trực thuộc Sở Y tế thành Trung tâm y tế thành phố Bắc Ninh trực thuộc UBND thành phố Bắc Ninh.	10,159	10,159								Sự nghiệp y tế	Nguồn điều chỉnh
9	Kinh phí lập Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050	2,916			1,567					1,349	Sự nghiệp kinh tế	Nhiệm vụ chung
10	Kinh phí diễn tập khu vực phòng thủ huyện	6,000		6,000							Quốc phòng	Nhiệm vụ chung
11	Kinh phí cấp bù học phí theo Nghị định số 97/2023/NĐ-CP	4,670					4,670				Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	Nguồn điều chỉnh
12	Kinh phí chỉnh trang đô thị , kiến thiết thị chính theo Nghị quyết số 25/NQ-BTV của Ban thường vụ Tỉnh ủy	36,334	36,334								Sự nghiệp kinh tế	Nhiệm vụ chung
	Duy tu sửa chữa các công trình đài tưởng niệm, tượng đài trên địa bàn	7,750	7,750									
	Sửa chữa, chỉnh trang vỉa hè, công viên cây xanh	26,150	26,150									
	Sửa chữa, lắp đặt hệ thống điện đường chiếu sáng, đèn trang trí các tuyến đường	519	519									
	Trang trí các tuyến đường, khu vực công cộng, công viên	1,914	1,914									
13	Mua xe ô tô	8,480	1,060	1,060	1,060	1,060	1,060	1,060	1,060	1,060	Quản lý hành chính	- Nhiệm vụ chung: 7.636 triệu đồng; - Nguồn điều chỉnh: 844 triệu đồng

Ghi chú: Các đơn vị được giao dự toán chi thực hiện phân bổ cho các đơn vị trực thuộc khi đảm bảo đầy đủ điều kiện phân bổ theo quy định



**TỔNG HỢP KINH PHÍ GIAO SỰ NGHIỆP GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ NĂM 2024**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC ngày 12/06/2024 của Sở Tài chính)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đường/Hạng mục	Chiều dài (Km)	Kế hoạch tạm giao	Giá trị cấp kinh phí
<b>A</b>	<b>Bảo trì hệ thống đường tỉnh và các tuyến đường trục chính đô thị thuộc địa bàn tỉnh Bắc Ninh</b>		<b>59,389</b>	<b>59,389</b>
<b>I</b>	<b>Công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ và hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.</b>		<b>16,500</b>	<b>16,500</b>
<b>II</b>	<b>Bảo trì định kỳ đường bộ</b>	<b>15.09</b>	<b>25,700</b>	<b>25,700</b>
1	Sửa chữa ĐT.277 đoạn từ lý trình Km6+200- Km10 + 300 thuộc huyện Yên Phong, thành phố Từ Sơn và đường Hồng Vân thuộc huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	4.80	6,000	6,000
2	Sửa chữa đường ĐT.279 đoạn từ lý trình Km14+500 - Km18+250 thuộc thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	3.75	6,500	6,500
3	Sửa chữa đường ĐT.284 đoạn từ lý trình Km1+162 - Km3+200 thuộc huyện Gia Bình và đường ĐT.281 đoạn từ lý trình Km9+200 - Km11+500 thuộc huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh	4.34	8,200	8,200
4	Sửa chữa đường ĐT.278 đoạn từ lý trình Km1+700 - Km3+400 và Km5+00 - Km5+500 thuộc thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	2.20	5,000	5,000
<b>III</b>	<b>Sửa chữa, lắp dựng bổ sung hệ thống an toàn giao thông bao gồm: Hệ đèn tín hiệu giao thông, cọc tiêu, biển báo, móc lộ giới cột Km, sơn kẻ vạch tín hiệu giao thông và sửa chữa đột xuất đảm bảo an toàn giao thông khác</b>	Toàn bộ	<b>17,189</b>	<b>17,189</b>
1	Lắp dựng hệ thống đèn tín hiệu điều khiển giao thông tự động tại các nút giao thông giao: Đường ĐT.287 giao với đường vào Trạm Y tế xã Hoàn Sơn và đường vào Khu công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn; Đường ĐT.276 mới giao với đường vào Thôn Long Vân, xã Việt Đoàn; đường ĐT.276 giao với đường vào Cụm công nghiệp Phú Lâm, xã Phú Lâm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	03 Cụm	3,200	3,200
2	Lắp dựng hệ thống đèn tín hiệu điều khiển giao thông tự động tại các nút giao thông giao: Đường ĐT.287 giao với đường trục xã Yên Giá, xã Yên Giá; đường ĐT.287 giao với đường ĐT.279; đường ĐT.279 giao với đường T36 và đường Trương Định, thị trấn phố Mới, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	03 Cụm	3,500	3,500
3	Lắp dựng hệ thống đèn tín hiệu điều khiển giao thông tự động tại các nút giao thông giao: Đường ĐT.280 giao với đường trục xã Lâm Thao, huyện Lương Tài; đường QL.17 giao với đường trục xã Bình Dương, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh	02 Cụm	2,500	2,500
5	Sửa chữa, bổ sung hệ thống an toàn giao thông (biển báo hiệu đường bộ, sơn vạch tín hiệu giao thông, gờ, gờ giảm tốc, dải phân cách, tôn hộ lan..v.v.) và hệ thống điện chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông trên các tuyến đường bộ năm 2024□	Toàn bộ	2,500	2,500
6	Sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng trên các tuyến đường bộ năm 2024	Toàn bộ	2,500	2,500
7	Sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	Toàn bộ	2,300	2,300
8	Sửa chữa Bến xe khách tại huyện Lương tài và thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh		689	689
<b>B</b>	<b>Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống thoát nước các tuyến đường GTNT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh</b>	<b>21.00</b>	<b>50,178</b>	<b>50,178</b>
<b>I</b>	<b>Huyện Gia Bình</b>		<b>6,000</b>	<b>6,000</b>
1	Sửa chữa đường trục xã Giang Sơn (đoạn từ thôn Du Trang đi đê Bối và đoạn qua các Trường Trung học cơ sở xã Giang Sơn); đường Trục xã Thái Bảo (đoạn từ công Chằm đi đê Hữu Duồng), huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh	2.75	6,000	6,000
<b>II</b>	<b>Thị xã Từ Sơn</b>		<b>6,000</b>	<b>6,000</b>
1	Sửa chữa các tuyến đường liên phường Tương Giang - Tam Sơn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	2.70	6,000	6,000
<b>III.</b>	<b>Huyện Lương Tài</b>		<b>5,000</b>	<b>5,000</b>

STT	Tên đường/Hạng mục	Chiều dài (Km)	Kế hoạch tạm giao	Giá trị cấp kinh phí
	Sửa chữa Trục xã Tân Lãng(đoạn từ đường ĐT.280 đi đường ĐT.281), huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh	2.20	5,000	5,000
<b>IV</b>	<b>Huyện Yên Phong:</b>		<b>5,000</b>	<b>5,000</b>
	Sửa chữa đường trục xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	2.00	5,000	5,000
<b>V</b>	<b>Huyện Quế Võ</b>		<b>6,500</b>	<b>6,500</b>
	Sửa chữa đường trục phường Đại Xuân (đoạn từ ĐT.279 đi phường Phương Liễu); đường trục phường Bồng Lai (đoạn từ QL.18 - Khu phố Xa Loan) thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	3.80	6,500	6,500
<b>VI</b>	<b>Huyện Tiên Du:</b>		<b>5,000</b>	<b>5,000</b>
	Sửa chữa đường trục thôn Dền, xã Cảnh Hưng; đường trục xã Bái Uyên (đoạn từ Kênh Nam đến Trạm bơm Lũng Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	2.20	5,000	5,000
<b>VII</b>	<b>Huyện Thuận Thành</b>		<b>7,000</b>	<b>7,000</b>
	Sửa chữa trục xã Đại Đồng Thành (đoạn từ đường ĐT.276 đi đường Đại Đồng Thành); đường trục Phường Ninh Xá (đoạn từ đường QL.38 qua khu phố Bù Xá), thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	2.55	7,000	7,000
<b>VIII</b>	<b>Thành phố Bắc Ninh</b>		<b>6,500</b>	<b>6,500</b>
	Sửa chữa đường trục phường Vũ Ninh (đoạn từ Đền Bà Chúa Kho đến khu dân cư Bồi Bồi; đường trục phường Kim Chân (đoạn từ công Kim Đồi đến đường Nguyễn Nhân Lượng và đoạn từ ngã ba đường Quỳnh Đồi giao với đường Nguyễn Nhân Lượng đi phường Phương Liễu), thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	2.80	6,500	6,500
<b>IX</b>	<b>Sửa chữa đột xuất đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường GTNT</b>	<b>Toàn bộ</b>	<b>3,178</b>	<b>3,178</b>
	<b>Tổng cộng: (A+B)</b>	<b>36.09</b>	<b>109,567</b>	<b>109,567</b>

**TỔNG HỢP KINH PHÍ CHI TRẢ CHẾ ĐỘ**  
**CÁC ĐỐI TƯỢNG TINH GIẢM BIÊN CHẾ NĂM 2024**  
(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC ngày 12/06/2024 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Kinh phí được hưởng theo chế độ	Nguồn kinh phí		Ghi chú
				Dự toán còn lại	Nguồn cải cách tiền lương	
<b>A</b>	<b>KHỐI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH</b>		<b>241,231</b>	<b>217,643</b>	<b>23,588</b>	
<b>I</b>	<b>Huyện ủy Gia Bình</b>					
1	Trần Danh Đăng	01.10.1965	241,231	217,643	23,588	CCTL cấp tỉnh
<b>I</b>	<b>UBND huyện Tiên Du</b>					
	<b>UBND thị trấn Lim</b>					
2	Nguyễn Đức Tiên	07.01.1966	90,793	43,596	47,197	CCTL cấp huyện
	<b>KHỐI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP</b>		<b>711,877</b>	<b>340,768</b>	<b>371,109</b>	
<b>I</b>	<b>UBND thành phố Từ Sơn</b>					
	<b>Trường tiểu học Phù Chấn</b>					
1	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	30.12.1969	216,158	166,170	49,988	CCTL cấp huyện
<b>II</b>	<b>UBND thị xã Thuận Thành</b>					
	<b>Trường Tiểu học Đình Tổ số 1</b>					
2	Phan Văn Tịnh	28.04.1965	267,953	174,598	93,355	CCTL cấp tỉnh
<b>III</b>	<b>Trường Cao đẳng Y tế</b>					
1	Nguyễn Thị Thanh Thủy	13.10.1969	227,766		227,766	CCTL tại đơn vị
	<b>TỔNG</b>		<b>953,108</b>	<b>558,411</b>	<b>394,697</b>	